

Số: **69** /NQ-HĐND

Quảng Điền, ngày **11** tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
Đầu tư hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất tập trung,
hàng hoá giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
KHÓA XI - KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 02**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Sau khi xem xét Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của UBND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư
các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ
họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất tập trung, hàng hoá giai đoạn 2022-2025; với những nội dung cụ thể sau:

1. Tên dự án: Đầu tư hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất tập trung, hàng hoá giai đoạn 2022-2025.

2. Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng

Thúc đẩy tăng trưởng, từng bước xây dựng nền nông nghiệp giá trị gia tăng, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần phát triển nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nông dân và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. Đầu tư hạ tầng vùng chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng sen nuôi cá vùng trũng HTX nông nghiệp An Xuân, xã Quảng An

Xây dựng 01 tuyến đường giao thông khoảng 700m (chiều rộng nền đường 3,5÷4,0m được đắp đất đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng 2,5m; trên tuyến có bố trí bãi tránh xe) vào vùng sản xuất diện tích 5,0ha để phục vụ phục vụ chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng sen nuôi cá

5.2. Đầu tư hạ tầng vùng chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt kết hợp đánh bắt tôm, cá tự nhiên vùng trũng thôn Mai Dương, xã Quảng Phước

Xây dựng hệ thống đê bao phục vụ chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt kết hợp đánh bắt tôm, cá tự nhiên với diện tích khoảng 17,0ha. Chiều dài đê bao khoảng 1,8km; chiều rộng mặt đê: $B=(2,5\div 3,0)m$, được đắp bằng đất đào tại chỗ và đất cấp phối đầm nén chặt; bố trí các công để phục vụ cấp nước và tiêu thoát nước cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

5.3. Đầu tư tuyến giao thông ra khu vực sản xuất lúa chất lượng tại thôn 3, xã Quảng Ngạn

Xây dựng 03 tuyến đường giao thông nội vùng dài khoảng 420m (tuyến 1: 190m, tuyến 2: 170m và tuyến 3: 60m; chiều rộng nền đường 3,5÷4,5m được đắp bằng đất cấp phối đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng 2,5÷3,5m) để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và vận chuyển lúa sau khi thu hoạch với diện tích 5,0ha.

5.4. Đầu tư hạ tầng đường nội bộ phục vụ sản xuất theo hướng công nghệ cao kết hợp với tham quan du lịch trải nghiệm tại HTX nông nghiệp Thạnh Lợi, xã Quảng Lợi

Xây dựng 02 tuyến đường giao thông nội vùng (khoảng $L=450m$; tuyến 1: 310m, tuyến 2: 140m; chiều rộng nền đường 3,5÷4,5m được đắp bằng đất cấp phối đầm nén chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng 2,5÷3,5m; sửa chữa cống hiện có và xây mới các công để đảm bảo nhiệm vụ tưới, tiêu) để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và vận chuyển nông sản sau khi thu hoạch với diện tích 5,0ha và phục vụ tham quan du lịch trải nghiệm.

5.5. Đầu tư kênh tưới cấp 1 Tân Thành-Tỉnh lộ 19, xã Quảng Thọ

Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh chính trên nền kênh cũ để phục vụ tưới cho 120ha lúa, với điểm đầu đầu nối cuối kênh đã nâng cấp, sửa chữa với chiều dài khoảng 450m. Kết cấu kênh bê tông M200, khẩu độ (0,9x1,1)m; trung bình 20m cát khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường, kênh bố trí hệ thống khung

giếng; bố trí các cửa lấy nước,... trên tuyến kênh chính.

5.6. Đầu tư hạ tầng, hệ thống nhỏ giọt phục vụ sản xuất vùng trồng mướp đắng tập trung theo tiêu chuẩn VietGap ở thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái

- Khoan hệ thống giếng khoan và đặt máy bơm để phục vụ bơm tưới cho 3,0ha sản xuất vùng trồng mướp đắng tập trung theo tiêu chuẩn VietGap. Đầu nối đường dây điện hạ thế về để cấp điện cho máy bơm.

- Xây dựng hệ thống tuyến ống tưới nhỏ giọt tự động để phục vụ tưới, đầu các nhánh rẽ và giữa các ống tưới có bố trí các van khóa để điều tiết tưới khi cần.

5.7. Đầu tư đường giao thông vùng sản xuất lúa chất lượng cao Tam Tứ Đạt, Mơn Cát, xã Quảng Phước

Xây dựng tuyến đường giao thông nội vùng (khoảng 500m; chiều rộng nền đường 3,5÷4,0m được đắp đất đầm nện chặt, mặt đường đổ bê tông M250 rộng 2,5m; trên tuyến có bố trí bãi tránh xe) để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và vận chuyển lúa sau khi thu hoạch cho diện tích 20,ha vùng Tam Tứ Đạt, Mơn Cát.

5.8. Đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung thôn 1 và thôn 2, xã Quảng Công

5.8.1. Tuyến đê bao

* Khu nuôi trồng thủy sản thôn 1: Để chuyển đổi 7,1ha đất trồng cây hàng năm khác sang nuôi trồng thủy sản, chia khu dự án thành 3 khu sản xuất chính với quy mô đê bao: Tổng chiều dài đê bao và mương tiêu khoảng 1.697,9m (*khu A: Chiều dài đê bao 499m, diện tích khoảng 1,61ha. Khu B: Chiều dài đê bao 550,9m, diện tích 1,98ha. Khu C: Chiều dài đê bao 648,0m, diện tích S=2,61ha*); chiều rộng mặt đê: 2,0m; cao trình mặt đê +0,3; mái đắp đê: m=1,5; cao trình đáy kênh tiêu: -0,8. Kết cấu đê bao: Đê bao được đắp bằng đất tận dụng nạo vét mương tiêu, đất nạo vét tuyến kênh dẫn dọc đê phá Tam Giang và đào đất tại chỗ để đắp, đất đắp đầm nện chặt đạt K=0,9.

* Khu nuôi trồng thủy sản thôn 2:

Để chuyển đổi 2,7ha đất trồng cây hàng năm khác sang nuôi trồng thủy sản, khu dự án lập 01 khu sản xuất chính với quy mô đê bao:

Tổng chiều dài đê bao và mương tiêu khoảng 607,8m, diện tích (theo tim đê) khoảng 2,46ha. Chiều rộng mặt đê 2,0m. Cao trình mặt đê: +0,3. Mái đắp đê: m=1,5. Cao trình đáy kênh tiêu: -0,8.

5.8.2. Nạo vét các tuyến kênh dẫn

- Các tuyến từ ngoài phá vào đến đê phá Tam Giang: Nạo vét 4 tuyến

kênh dẫn nước từ ngoài phá vào đến đê Đông phá Tam Giang với tổng chiều dài 486,0m; trong đó, tuyến 1 dài 155,0m; tuyến 2 dài 128,0m; tuyến 3 dài 103,0m và tuyến 4 dài 100,0m. Đất nạo vét được đắp lên đê hồ tôm hiện có.

- Tuyến phía ngoài dọc đê phá Tam Giang: Tuyến này đi dọc đê phá và dọc theo khu nuôi trồng với chiều dài 813,2m ; trong đó, đoạn qua khu NTTS thôn 1 dài 598,0m; đoạn qua khu NTTS thôn 2 dài 215,2m. Đất nạo vét được tận dụng để đắp một phần đê bao khu nuôi trồng.

- Các thông số nạo vét như sau: Chiều rộng đáy kênh: $B=2,0\text{m}$. Cao trình đáy kênh: $-0,8$. Mái nạo vét: $m=2,0$.

5.8.3. Cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản

- Cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 1: Xây dựng tuyến đường dây điện hạ thế cáp vặn xoắn ABC-4A95mm² -0.6/1kV, dài 1275,7m, đấu nối vào trạm biến áp Quảng Công 1: 250kVA 22/0.4kV.

- Cấp điện cho khu nuôi trồng thủy sản thôn 1: Đấu nối từ tuyến đường dây điện hạ thế cáp vặn xoắn ABC-4A70mm² -0.6/1kV hiện có (đang cấp cho khu NTTS thôn 1 đã xây dựng) kéo dài về cấp cho khu NTTS thôn 2 với chiều dài 220m.

5.9. Hạ tầng vùng trồng màu tập trung chất lượng cao xã Quảng Thành

- Hệ thống nhà lưới: Tận dụng lại hệ thống trụ hiện có, quy hoạch điều chỉnh lại vị trí một số trụ để phù hợp với thực tế sản xuất; sửa chữa, thay thế lại hệ thống lưới bao che đảm bảo nhà lưới được đồng bộ về cao trình, thuận lợi cho sản xuất và tham quan du lịch.

- Hệ thống tưới tự động: Nâng cấp, thay thế một số đoạn ống đầu tuyến; thay thế, sửa chữa một số van tưới hiện trạng đã hư hỏng, xuống cấp.

- Chính trang khu đất sát bờ sông: Phát quang, dọn dẹp san gạt lại khu đất phía bờ sông đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ.

- Quy hoạch lại khu sản xuất, bố trí lại hệ thống đường giao thông nội khu, sửa chữa lại hàng rào để phục vụ sản xuất kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

5.10. Xây dựng đường dây hạ thế vào khu nuôi trồng thủy sản thị trấn Sịa

Xây dựng 2 tuyến đường dây hạ thế 0,4KV có tổng chiều dài khoảng 1.260m, đấu nối tại 2 trạm biến áp là Tân Lập 1: 250kVA và Tân Lập 2: 250kVA, với khu sản xuất tập trung chính gồm các hạng mục sau:

- Tuyến đường dây 0,4kV tuyến 1, có chiều dài khoảng 625m: Xây dựng hệ thống điện đấu nối tại trạm biến áp Tân Lập 1: 250kVA 22/0,4kV, dùng dây

dẫn cáp vặn xoắn lắp trên cột BTLT-NPC-8.5-160 loại cao 8,5m.

- Tuyến đường dây 0,4kV tuyến 2, có chiều dài khoảng 635m: Xây dựng hệ thống điện đấu nối tại trạm biến áp Tân Lập 2: 250kVA 22/0,4kV, dùng dây dẫn cáp vặn xoắn lắp trên cột BTLT-NPC-8.5-160 loại cao 8,5m.

6. Địa điểm thực hiện: Huyện Quảng Điền.

7. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV, nhóm C.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 7.400 triệu đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện.

10. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 03 năm kể từ ngày khởi công từng dự án thành phần.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao trách nhiệm UBND huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực HĐND, các Ban, các Tổ và các đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 02 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy;
- CT, PCT HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP+CVHD;
- Lưu: VT. *phu*



Trương Duy Hải